

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 25 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh và phân bổ dự toán ngân sách trung ương vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 27

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 166/TTr-UBND ngày 25/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh dự toán ngân sách trung ương vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết năm 2023; văn bản số 4746/UBND-KT ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh và phân bổ dự toán ngân sách trung ương vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết năm 2023, như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Dự toán chưa giải ngân hết năm 2023 (gồm năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023), chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm.

b) Dự toán năm 2024, chi tiết theo Biểu số 02 đính kèm.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 và dự toán chưa giải ngân hết năm 2023, chi tiết theo Biểu số 03 đính kèm.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững:

a) Dự toán chưa giải ngân hết năm 2023 (gồm năm 2021, năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023), chi tiết theo Biểu số 04 đính kèm.

b) Dự toán năm 2024, chi tiết theo Biểu số 05 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: TC, KH&ĐT, NN&PTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lưu: VT, KTNS, DT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang



DỰ TOÁN PHÂN BỐ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ -XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI
CHƯA GIẢI NGÂN HẾT NĂM 2023 (GỒM VỐN NĂM 2022, CHUYÊN SANG)

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: triệu đồng

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2022-2023							Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh						
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	TỔNG CỘNG		269.911	38.708	4.730	15.352	196.176	14.945	60.812,679	6.133,465	-	202,764	53.926,15	550,3	60.812,679	31.856,679	-	3.557	25.399	-	269.911	64.431,214	4.730	18.706,236	167.648,85	14.394,7
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Mã số 0511)		17.313	1.928	-	-	13.725	1.660	243,2	-	-	-	243,2	-	-	-	-	-	-	17.069,8	1.928	-	-	13.481,8	1.660	
		UBND huyện Cam Lộ	148	-	-	-	142	6	23,2	-	-	-	23,2	-	-	-	-	-	-	124,8	-	-	-	118,8	6	
		UBND huyện Đakrông	3.414	-	-	-	2.845	569	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.414	-	-	-	2.845	569	
		UBND huyện Hướng Hóa	10.197	1.928	-	-	7.242	1.027	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.197	1.928	-	-	7.242	1.027	
		UBND huyện Gio Linh	1.859	-	-	-	1.801	58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.859	-	-	-	1.801	58	
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.695	-	-	-	1.695	-	220	-	-	-	220	-	-	-	-	-	-	1.475	-	-	-	1.475	-	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Mã số 0512)		8.763	-	-	-	8.763	-	3.129	-	-	-	3.129	-	-	-	-	-	-	5.634	-	-	-	5.634	-	
		UBND huyện Đakrông	4.550	-	-	-	4.550	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.550	-	-	-	4.550	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	4.121	-	-	-	4.121	-	3.037	-	-	-	3.037	-	-	-	-	-	-	1.084	-	-	-	1.084	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	92	-	-	-	92	-	92	-	-	-	92	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Mã số 0513)		113.301	-	-	-	113.301	-	8.080,95	-	-	-	8.080,95	-	-	-	-	-	-	105.220,05	-	-	-	105.220,05	-	
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		49.171	-	-	-	49.171	-	699,95	-	-	-	699,95	-	-	-	-	-	-	48.471,05	-	-	-	48.471,05	-	
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa	7.640	-	-	-	7.640	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.640	-	-	-	7.640	-	
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông	6.651	-	-	-	6.651	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.651	-	-	-	6.651	-	
		BQL rừng phòng hộ Hướng Hóa	9.952	-	-	-	9.952	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.952	-	-	-	9.952	-	
		BQL RPH Lưu vực sông Bến Hải	8.954	-	-	-	8.954	-	699,95	-	-	-	699,95	-	-	-	-	-	-	8.254,05	-	-	-	8.254,05	-	

mm

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2022-2023						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Dự toán phân bổ sau điều chỉnh					
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.		9.629	9.629	-	-	-	-	8.065	8.065	-	-	-	-	31.806,679	31.806,679	-	-	-	-	41.427,614	41.427,614	-	-	-	-
		Sở Giáo dục và Đào tạo	3.851	3.851					-						28.972,679	28.972,679					32.823,679	32.823,679	-	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	139	139					-						-	-					139	139	-	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	2.834	2.834					-						1.348	1.348					4.182	4.182	-	-	-	-
		UBND huyện Hương Hóa	1.621	1.621					-						-	-					1.621	1.621	-	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	618	618					8.065	8.065					-	-					609,935	609,935	-	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	566	566					-						1.486	1.486					2.052	2.052	-	-	-	-
5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.		1.757	1.757	-	-	-	-	1.473	1.473	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	284	284	-	-	-	-
		Ban Dân tộc	1.757	1.757					1.473	1.473					-	-					284	284	-	-	-	-
5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.		17.797	17.797	-	-	-	-	3.304,4	3.304,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.492,6	14.492,6	-	-	-	-
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.676	3.676	-	-	-	-	-						-	-					3.676	3.676	-	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	182	182	-	-	-	-	-						-	-					182	182	-	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	3.287	3.287	-	-	-	-	-						-	-					3.287	3.287	-	-	-	-
		UBND huyện Hương Hóa	7.669	7.669	-	-	-	-	2.492	2.492					-	-					5.177	5.177	-	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	1.230	1.230	-	-	-	-	812,4	812,4					-	-					417,6	417,6	-	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.753	1.753	-	-	-	-	-						-	-					1.753	1.753	-	-	-	-
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		7.597	7.597	-	-	-	-	1.348	1.348	-	-	-	-	50	50	-	-	-	-	6.299	6.299	-	-	-	-
		Ban Dân tộc	2.000	2.000					-						-	-					2.000	2.000	-	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	16	16					-						-	-					16	16	-	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	2.117	2.117					1.348	1.348					-	-					769	769	-	-	-	-
		UBND huyện Hương Hóa	2.855	2.855					-						-	-					2.855	2.855	-	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	192	192					-						-	-					192	192	-	-	-	-

7/2024

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2022-2023					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh								
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội						
		UBND huyện Vĩnh Linh	417	417				-						50	50						467	467	-	-	-	
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Mã số 0516)		10.179	-	-	10.179	-	-	59,767	-	-	59,767	-	-	1.160	-	-	1.160	-	-	11.279,233	-	-	11.279,233	-	-
		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.864			3.864			-					1.160			1.160			5.024	-	-	5.024	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	212			212			-											212	-	-	212	-	-	
		UBND huyện Đakrông	2.556			2.556			-											2.556	-	-	2.556	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	2.440			2.440			-											2.440	-	-	2.440	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	415			415		59,767			59,767									355,233	-	-	355,233	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	692			692														692	-	-	692	-	-	
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Mã số 0517)		4.730	-	4.730	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.730	-	4.730	-	-	-	
		Sở Y tế	4.730		4.730				-											4.730	-	4.730	-	-	-	
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Mã số 0518)		12.639	-	-	-	2.180	10.459	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.639	-	-	-	2.180	10.459	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	6.249				1.711	4.538												6.249	-	-	-	1.711	4.538	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	70					70												70	-	-	-	-	70	
		UBND huyện Cam Lộ	39					39												39	-	-	-	-	39	
		UBND huyện Đakrông	2.307					2.307												2.307	-	-	-	-	2.307	
		UBND huyện Hướng Hóa	3.315				469	2.846												3.315	-	-	-	469	2.846	
		UBND huyện Gio Linh	194					194												194	-	-	-	-	194	
		UBND huyện Vĩnh Linh	465					465												465	-	-	-	-	465	
9	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (Mã số 0519)		46.189	-	-	-	43.363	2.826	43.023,3	-	-	-	42.473	550,3	-	-	-	-	-	3.165,7	-	-	-	890	2.275,7	
9.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù		42.729	-	-	-	42.432	297	42.729	-	-	-	42.432	297	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	18.672					18.672												-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	20.778				20.481	297	20.778				20.481	297						-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	1.379				1.379		1.379				1.379							-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	154				154		154				154							-	-	-	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.746				1.746		1.746				1.746							-	-	-	-	-	-	
9.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi.		3.460	-	-	-	931	2.529	294,3	-	-	-	41,0	253,3	-	-	-	-	-	3.165,7	-	-	-	890	2.275,7	

100

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2022-2023					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh										
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội								
		Ban Dân tộc	1.729				465	1.264		281				41	240								1.448	-	-	-	424	1.024
		UBND huyện Cam Lộ	287				77	210		-													287	-	-	-	77	210
		UBND huyện Đakrông	442				119	323		-													442	-	-	-	119	323
		UBND huyện Hướng Hóa	442				119	323		-													442	-	-	-	119	323
		UBND huyện Gio Linh	301				81	220		13,3					13,3								287,7	-	-	-	81	206,7
		UBND huyện Vĩnh Linh	259				70	189		-													259	-	-	-	70	189
10	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Mã số 0521)		6.928	-	-	5.173	1.755	-	142,997	-	-	142,997	-	-	2.397	-	-	2.397	-	-	-	9.182,003	-	-	-	7.427,003	1.755	-
10.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.		3.646	-	-	3.646	-	-	142,997	-	-	142,997	-	-	2.397	-	-	2.397	-	-	-	5.900,003	-	-	-	5.900,003	-	-
		Ban Dân tộc	1.588			1.588			142,997			142,997			-	-	-	-	-	-	-	1.445,003	-	-	-	1.445,003	-	-
		Sở Thông tin và truyền thông	300			300			-						-							300	-	-	-	300	-	-
		Sở Tư pháp	300			300			-						-							300	-	-	-	300	-	-
		UBND huyện Đakrông	564			564			-						-							564	-	-	-	564	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	706			706			-						2.300			2.300				3.006	-	-	-	3.006	-	-
		UBND huyện Gio Linh	47			47			-						-			-				47	-	-	-	47	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	141			141			-						97			97				238	-	-	-	238	-	-
10.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.		1.487	-	-	1.487	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.487	-	-	-	1.487	-	-
		Ban Dân tộc	150			150			-						-			-				150	-	-	-	150	-	-
		Liên minh hợp tác xã	380			380			-						-			-				380	-	-	-	380	-	-
		UBND huyện Đakrông	368			368			-						-			-				368	-	-	-	368	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	465			465			-						-			-				465	-	-	-	465	-	-
		UBND huyện Gio Linh	31			31			-						-			-				31	-	-	-	31	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	93			93			-						-			-				93	-	-	-	93	-	-
10.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.		1.795	-	-	40	1.755	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.795	-	-	-	40	1.755	-

THW

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2022-2023						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Dự toán phân bổ sau điều chỉnh					
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	120				120	-							-						120	-	-	-	120	-
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	40				40	-							-						40	-	-	-	40	-
		Ban Dân tộc	526				526	-							-						526	-	-	-	526	-
		Sở Y tế	20				20	-							-						20	-	-	-	20	-
		Sở Tài chính	80				80	-							-						80	-	-	-	80	-
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150				150	-							-						150	-	-	-	150	-
		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	170			40	130	-							-						170	-	-	40	130	-
		Sở Giáo dục và Đào tạo	20				20	-							-						20	-	-	-	20	-
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	20				20	-							-						20	-	-	-	20	-
		UBND huyện Cam Lộ	13				13	-							-						13	-	-	-	13	-
		UBND huyện Đakrông	250				250	-							-						250	-	-	-	250	-
		UBND huyện Hướng Hóa	311				311	-							-						311	-	-	-	311	-
		UBND huyện Gio Linh	23				23	-							-						23	-	-	-	23	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	52				52	-							-						52	-	-	-	52	-

mal

DỰ TOÁN PHÂN BỐ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)



STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024							Điều chỉnh giảm							Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	Tổng cộng		188.421	11.546	4.905	12.824	145.414	13.732	56.150	1.216	-	328	54.606	-	56.150	18.963	-	10.027	27.160	-	188.421	29.293	4.905	22.523	117.968	13.732
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Mã số 0511)		14.267	-	-	-	14.267	-	3.133	-	-	-	3.133	-	-	-	-	-	-	-	11.134	-	-	-	11.134	-
		UBND huyện Đakrông	3.100				3.100		-				-								3.100				3.100	
		UBND huyện Hướng Hóa	7.414				7.414		-				-								7.414				7.414	
		UBND huyện Gio Linh	201				201		-				-								201				201	
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.133				1.133		714				714								419				419	
		Dự toán còn lại chưa phân bổ	2.419				2.419		2.419				2.419								-				-	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết (Mã số 0512)		11.394	-	-	-	11.394	-	9.394	-	-	-	9.394	-	-	-	-	-	-	-	2.000	-	-	-	2.000	-
		UBND huyện Đakrông	2.000				2.000		-				-								2.000				2.000	
		Dự toán còn lại chưa phân bổ	9.394				9.394		9.394				9.394								-				-	
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Mã số 0513)		107.481	-	-	-	107.481	-	42.079	-	-	-	42.079	-	21.431	-	-	-	21.431	-	86.833	-	-	-	86.833	-
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân		24.008	-	-	-	24.008	-	-	-	-	-	-	-	1.077	-	-	-	1.077	-	25.085	-	-	-	25.085	-
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hương Hóa	-				-		-				-		262				262		262				262	
		Khu Bảo tồn thiên nhiên Đakrông	-				-		-				-		241				241		241				241	
		BOL rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông	3.520				3.520		-				-		209				209		3.729				3.729	
		BOL RPH Lưu vực sông Bến Hải	3.000				3.000		-				-		365				365		3.365				3.365	
		UBND huyện Gio Linh	29				29		-				-		-				-		29				29	
		UBND huyện Đakrông	13.854				13.854		-				-		-				-		13.854				13.854	
		UBND huyện Hướng Hóa	3.550				3.550		-				-		-				-		3.550				3.550	
		UBND huyện Vĩnh Linh	55				55		-				-		-				-		55				55	
3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		44.580	-	-	-	44.580	-	3.186	-	-	-	3.186	-	20.354	-	-	-	20.354	-	61.748	-	-	-	61.748	-
		Ban Dân tộc	680				680		-				-		-				-		680				680	
		Sở Công Thương	700				700		-				-		500				500		1.200				1.200	
		UBND huyện Cam Lộ	205				205		-				-		102				102		307				307	

Mưu

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024						Điều chỉnh giảm						Điều chỉnh tăng						Dự toán phân bổ sau điều chỉnh					
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
5.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN.		422	422	-	-	-	-	-	-	-	-	734	734	-	-	-	-	-	-	1.156	1.156	-	-	-	-
		Ban Dân tộc	422	422									-	-							422	422				
		Sở Nội vụ	-	-									734	734	-	-	-	-	-	-	734	734				
5.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.800	2.800	-	-	-	-	-	-	2.800	2.800	-	-	-	-
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	-	-									300	300							300	300				
		UBND huyện Đakrông	-	-									1.042	1.042							1.042	1.042				
		UBND huyện Hương Hóa	-	-									938	938							938	938				
		UBND huyện Vĩnh Linh	-	-									520	520							520	520				
5.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		5.000	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.216	1.216	-	-	-	-	-	-	6.216	6.216	-	-	-	-
		Ban Dân tộc	2.500	2.500									-	-							2.500	2.500				
		UBND huyện Đakrông	949	949									462	462							1.411	1.411				
		UBND huyện Hương Hóa	1.280	1.280									622	622							1.902	1.902				
		UBND huyện Gio Linh	85	85									41	41							126	126				
		UBND huyện Vĩnh Linh	186	186									91	91							277	277				
5.5	Dự toán còn lại chưa phân bổ		1.216	1.216						1.216	1.216	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Mã số 0516)		9.509	-	-	9.509	-	-	-	-	-	-	8.686	-	-	8.686	-	-	-	-	18.195	-	-	18.195	-	-
		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3.803			3.803							3.474			3.474					7.277			7.277		
		UBND huyện Cam Lộ	88			88							80			80					168			168		
		UBND huyện Đakrông	734			734							671			671					1.405			1.405		
		UBND huyện Hương Hóa	3.989			3.989							3.644			3.644					7.633			7.633		
		UBND huyện Gio Linh	331			331							302			302					633			633		
		UBND huyện Vĩnh Linh	564			564							515			515					1.079			1.079		
7	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (Mã số 0517)		4.905	-	4.905	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.905	-	4.905	-	-	
		Sở Y tế	4.905		4.905								-	-	-	-	-	-	-	-	4.905		4.905			
8	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Mã số 0518)		10.806	-	-	-	-	10.806	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.806	-	-	-	-	10.806
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	5.330					5.330					-	-	-	-	-	-	-	-	5.330					5.330

Handwritten signature

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024						Dự toán phân bổ sau điều chỉnh												
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	Cộng	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội							
		UBND huyện Gio Linh	13			13						11						24			
		UBND huyện Vĩnh Linh	38			38						32						70			
		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	1.061									220						1.301			
		Ban Dân tộc	200															200			
		Sở Tài chính	50															50			
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150															150			
		Sở Giáo dục và Đào tạo	20															20			
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	120															150			
		UBND huyện Cam Lộ	10									4						14			
		UBND huyện Đakrông	169									73						242			
		UBND huyện Hương Hòa	211									91						302			
		UBND huyện Gio Linh	15									7						22			
		UBND huyện Vĩnh Linh	36									15						51			

Tiền dự án 3. Kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo, báo cáo, tập huấn để thực hiện Chương trình.

100%

DỰ TOÁN PHÂN BỐ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2023 CHƯA GIẢI NGÂN HẾT

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

ĐVT: triệu đồng

STT	Dự án	Đơn vị địa phương	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán phân bổ sau điều chỉnh		
			Tổng số	Trong đó		Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024
				KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024									
a	b		1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2-5+8	12=3-6+9
	TỔNG SỐ		38.798,225724	11.351,225724	27.447	2.570,2634	1.560,2634	1.010	2.570,2634	1.560,2634	1.010	38.798,225724	11.351,225724	27.447
1	Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới (Mã 00491)		15.851,5795	8.002,5795	7.849	131,0614	131,0614	-	-	-	-	15.720,5181	7.871,5181	7.849
		Huyện Gio Linh	2.755,14	545,14	2.210	-	-	-	-	-	-	2.755,14	545,14	2.210
		Huyện Hướng Hóa	4.005,9	1.285,9	2.720	-	-	-	-	-	-	4.005,9	1.285,9	2.720
		Huyện Đakrông	2.726,316	856,316	1.870	-	-	-	-	-	-	2.726,316	856,316	1.870
		Huyện Cam Lộ	609	-	609	-	-	-	-	-	-	609	-	609
		Huyện Triệu Phong	3.035,2235	2.815,2235	220	131,0614	131,0614	-	-	-	-	2.904,1621	2.684,1621	220
		Huyện Vĩnh Linh	220	-	220	-	-	-	-	-	-	220	-	220
		Huyện Hải Lăng	2.500	2.500	-	-	-	-	-	-	-	2.500	2.500	-
2	Phát triển hạ tầng KT-XH, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền (Mã 00492)		2.184,7163	184,7163	2.000	-	-	-	400,0000	-	400	2.584,7163	184,7163	2.400
		Sở Thông tin và Truyền thông	1.081,33	81,33	1.000	-	-	-	-	-	-	1.081,33	81,33	1.000
		Huyện Hướng Hóa	15,135	15,135	-	-	-	-	-	-	-	15,135	15,135	-
		Huyện Vĩnh Linh	240,9041	40,9041	200	-	-	-	-	-	-	240,9041	40,9041	200
		Huyện Triệu Phong	203,371	3,371	200	-	-	-	-	-	-	203,371	3,371	200
		Huyện Gio Linh	227,66	27,66	200	-	-	-	-	-	-	227,66	27,66	200
		Huyện Hải Lăng	216,3162	16,3162	200	-	-	-	-	-	-	216,3162	16,3162	200
		Huyện Cam Lộ	200	-	200	-	-	-	400,0000	-	400	600	-	600
3	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn (Mã số 00493)		10.850,7398	2.730,7398	8.120	2.439,2020	1.429,2020	1.010	-	-	-	8.411,5378	1.301,5378	7.110
		Huyện Hướng Hóa	630	330	300	130	130	-	-	-	-	500	200	300
		Huyện Đakrông	636,567	6,567	630	-	-	-	-	-	-	636,567	6,567	630
		Huyện Cam lộ	640	-	640	310,0000	-	310	-	-	-	330	-	330
		Huyện Gio Linh	662,81	122,81	540	-	-	-	-	-	-	662,81	122,81	540
		Huyện Vĩnh Linh	1.150,01	0,01	1.150	-	-	-	-	-	-	1.150,01	0,01	1.150
		Huyện Triệu Phong	1.450	300	1.150	300,0000	300,0000	-	-	-	-	1.150	-	1.150

Handwritten signature

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán phân bổ sau điều chỉnh		
			Tổng số	Trong đó		Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024
				KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024									
		Huyện Hải Lăng	319,42974	19,4297	300	-			-			319,42974	19,42974	300
		Thị xã Quảng Trị	160	-	160	-			-			160	-	160
		Chi cục Trồng trọt và BV thực vật	1.904,6	1.204,6	700	1.099,2020	399,2020	700	-			805,398	805,398	-
		Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và Du lịch	352,36	2,36	350	-			-			352,36	2,36	350
		Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	100	-	100	-			-			100	-	100
		Chi cục Phát triển nông thôn	932,34306	132,34306	800	-			-			932,34306	132,34306	800
		Liên minh HTX	252,77	2,77	250	-			-			252,77	2,77	250
		Sở Công Thương	150	-	150	-			-			150	-	150
		Sở Khoa học và công nghệ	906,2	6,2	900	-			-			906,2	6,2	900
		Trung tâm Khuyến nông	600	600	-	600,0000	600,0000		-			-	-	-
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3,65	3,65	-	-			-			3,65	3,65	-
4	Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn (Mã số 0495)		-											
		Huyện Vĩnh Linh			-									-
4	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn (Mã số 00496)		1.615,2061	15,2061	1.600	-	-	-	989,2020	809,2020	180	2.604,4081	824,4081	1.780
		Huyện Hướng Hóa	0,005	0,005	-	-			-			0,005	0,005	-
		Huyện Đakrông	140	-	140	-			-			140	-	140
		Huyện Cam lộ	140	-	140	-			989,2020	809,2020	180	1.129,202	809,202	320
		Huyện Gio Linh	140,23	0,23	140	-			-			140,23	0,23	140
		Huyện Vĩnh Linh	285,033	5,033	280	-			-			285,033	5,033	280
		Huyện Triệu Phong	422,5208	2,5208	420	-			-			422,5208	2,5208	420
		Huyện Hải Lăng	141,83	1,83	140	-			-			141,83	1,83	140
		Thị xã Quảng Trị	140	-	140	-			-			140	-	140
		Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	205,5873	5,5873	200	-			-			205,5873	5,5873	200

nh

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán phân bổ sau điều chỉnh		
			Tổng số	Trong đó		Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024
				KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024									
5	Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam (Mã số 00497)		1.900,8	0,8	1.900	-	-	-	620,0000	620,0000	-	2.520,8	620,8	1.900
		Huyện Đakrông	100		100	-			-			100	-	100
		Huyện Cam lộ	250		250	-			320,0000	320,0000	-	570	320	250
		Huyện Gio Linh	250		250	-			-			250	-	250
		Huyện Vĩnh Linh	350		350	-			-			350	-	350
		Huyện Triệu Phong	450		450	-			-			450	-	450
		Huyện Hải Lăng	100		100	-			-			100	-	100
		Thị xã Quảng Trị	100		100	-			-			100	-	100
		Chi cục Bảo vệ môi trường	-	-	-				300,0000	300,0000	-	300	300	-
		Sở Tài nguyên và Môi trường	300,8	0,8	300	-			-			300,8	0,8	300
6	Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới (Mã số 00498)		103,5	3,5	100	-	-	-	-	-	-	103,5	3,5	100
		Sở Tư pháp	103,5	3,5	100	-			-			103,5	3,5	100
7	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới (Mã số 00499)		1.401,02	1,02	1.400	-	-	-	50,0000	-	50	1.451,02	1,02	1.450
		Huyện Triệu Phong	100		100	-			-			100	-	100
		Huyện Vĩnh Linh	100		100	-			-			100	-	100
		Huyện Hải Lăng	100		100	-			-			100	-	100
		Huyện Cam Lộ	-		-	-			50,0000		50	50	-	50
		Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh	300		300	-			-			300	-	300
		Hội Nông dân	501,02	1,02	500	-			-			501,02	1,02	500
		Hội LHPN tỉnh	150		150	-			-			150	-	150
		Tỉnh Đoàn Thanh niên	150		150	-			-			150	-	150
8	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn (Mã số 00501)		630	-	630	-	-	-	-	-	-	630	-	630
		Công an tỉnh	630		630	-			-			630	-	630

OK

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán được giao			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng			Dự toán phân bổ sau điều chỉnh		
			Tổng số	Trong đó		Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024	Tổng	KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024
				KP năm trước chuyển sang	DT giao năm 2024									
9	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới (Mã số 00502)		4.260,664024	412,664024	3.848	-	-	-	511,0614	131,0614	380	4.771,725424	543,725424	4.228
		Huyện Hương Hóa	397,393739	112,393739	285	-			-			397,393739	112,393739	285
		Huyện Đakrông	196,623	16,623	180	-			-			196,623	16,623	180
		Huyện Cam lộ	155		155	-			50,0000		50	205	-	205
		Huyện Gio Linh	225		225	-			-			225	-	225
		Huyện Vĩnh Linh	434,62972	34,62972	400	-			-			434,62972	34,62972	400
		Huyện Triệu Phong	321,93	26,93	295	-			131,0614	131,0614	-	452,9914	157,9914	295
		Huyện Hải Lăng	335,1099	60,1099	275	-			-			335,1099	60,1099	275
		Thị xã Quảng Trị	40		40	-			-			40	-	40
		Văn phòng Điều phối NTM tỉnh	1.539,617665	6,617665	1.533	-			330,0000	-	330	1.869,617665	6,617665	1.863
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	190,75	40,75	150	-			-			190,75	40,75	150
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	115,62	65,62	50	-			-			115,62	65,62	50
		Sở Tài chính	46,42	46,42	-	-			-			46,42	46,42	-
		Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường	102,57	2,57	100	-			-			102,57	2,57	100
		Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	100	-	100	-			-			100	-	100
		Cục Thống kê	60		60	-			-			60	-	60

nk

DỰ TOÁN PHÂN BỐ SÀU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHƯA GIẢI NGÂN HẾT NĂM 2023 (GỒM VỐN NĂM 2022 CHUYÊN SANG)

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG CỘNG		206.062	55.459	4.376	16.387	129.840	11.009,340	7.503,895	134,725	29,000	3.341,720	11.009,340	-	-	34,605	10.974,735	206.062	47.955,105	4.241,275	16.392,605	137.473,015
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Mã số CTMT: 0471)		17.295	-	-	-	17.295	1.200	-	-	-	1.200	1.502	-	-	-	1.502	17.597	-	-	-	17.597,000
1.1	TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		17.295	-	-	-	17.295	1.200	-	-	-	1.200	1.502	-	-	-	1.502	17.597	-	-	-	17.597,000
-	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo		8.595	-	-	-	8.595	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.595	-	-	-	8.595,000
		UBND huyện Đakrông	8.595	-	-	-	8.595	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.595	-	-	-	8.595,000
-	Hoạt động 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.		8.700	-	-	-	8.700	1.200	-	-	-	1.200	1.502	-	-	-	1.502	9.002	-	-	-	9.002,000
		UBND huyện Hải Lăng	2.400	-	-	-	2.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.400	-	-	-	2.400,000
		UBND huyện Gio Linh	2.100	-	-	-	2.100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.100	-	-	-	2.100,000
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	3.000	-	-	-	3.000	-	-	-	-	1.502	-	-	-	-	1.502	4.502	-	-	-	4.502,000
		UBND huyện Triệu Phong	1.200	-	-	-	1.200	1.200	-	-	-	1.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Mã số CTMT: 0472)		46.354	-	-	-	46.354	918	-	-	-	918	9.097,735	-	-	-	9.097,735	54.534	-	-	-	54.533,735
		UBND thành phố Đông Hà	1.910	-	-	-	1.910	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.910	-	-	-	1.910,000
		UBND thị xã Quảng Trị	894	-	-	-	894	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	894	-	-	-	894,000

mm

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh					
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
		UBND huyện Triệu Phong	4.020	-	-	-	4.020	-						1.200				1.200	5.220	-	-	-	5.220,000
		UBND huyện Hải Lăng	5.645	-	-	-	5.645	-						24				24	5.669	-	-	-	5.669,000
		UBND huyện Cam Lộ	1.429	-	-	-	1.429	-						-				1.429	-	-	-	1.429,000	
		UBND huyện Đakrông	15.280	-	-	-	15.280	-						-				15.280	-	-	-	15.280,000	
		UBND huyện Hướng Hóa	7.505	-	-	-	7.505	-						2.375				2.375	9.880	-	-	-	9.880,000
		UBND huyện Gio Linh	5.008	-	-	-	5.008	-						3.461,735				3.461,735	8.470	-	-	-	8.469,735
		UBND huyện Vĩnh Linh	3.417	-	-	-	3.417	-						2.037				2.037	5.454	-	-	-	5.454,000
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	1.246	-	-	-	1.246	918						-				328	-	-	-	328,000	
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Mã số CTMT: 0473)		24.468	-	4.376	-	20.092	528,725	-	134,725	-	394	-	-	-	-	-	23.939	-	4.241,275	-	19.698	
3.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp		20.092	-	-	-	20.092	394	-	-	-	394	-	-	-	-	-	19.698	-	-	-	19.698	
		UBND thành phố Đông Hà	844	-	-	-	844	-						-				844	-	-	-	844	
		UBND thị xã Quảng Trị	395	-	-	-	395	-						-				395	-	-	-	395	
		UBND huyện Triệu Phong	1.777	-	-	-	1.777	-						-				1.777	-	-	-	1.777	
		UBND huyện Hải Lăng	2.385	-	-	-	2.385	-						-				2.385	-	-	-	2.385	
		UBND huyện Cam Lộ	632	-	-	-	632	-						-				632	-	-	-	632	
		UBND huyện Đakrông	6.755	-	-	-	6.755	-						-				6.755	-	-	-	6.755	
		UBND huyện Hướng Hóa	3.317	-	-	-	3.317	-						-				3.317	-	-	-	3.317	
		UBND huyện Gio Linh	2.081	-	-	-	2.081	-						-				2.081	-	-	-	2.081	
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.512	-	-	-	1.512	-						-				1.512	-	-	-	1.512	

mai

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	394	-	-	-	394	394					394	-					-	-	-	-
3.2	Tiêu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng		4.376	-	4.376	-	-	134,725	-	134,725	-	-	-	-	-	-	-	4.241	-	4.241,275	-	-
		UBND thành phố Đông Hà	170	-	170	-	-	-					-					170	-	170	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	94	-	94	-	-	-					-					94	-	94	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	407	-	407	-	-	-					-					407	-	407	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	486	-	486	-	-	-					-					486	-	486	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	151	-	151	-	-	-					-					151	-	151	-	-
		UBND huyện Đakrông	1.572	-	1.572	-	-	-					-					1.572	-	1.572	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	633	-	633	-	-	-					-					633	-	633	-	-
		UBND huyện Gio Linh	413	-	413	-	-	23,725		23,725			-					389	-	389,275	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	339	-	339	-	-	-					-					339	-	339	-	-
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	111	-	111	-	-	111		111			-					-	-	-	-	-
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã số CTMT: 0474)		53.380	43.381	-	-	9.999	8.249,010	7.419,290	-	-	829,720	375,000	-	-	-	375,000	45.506	35.961,71	-	-	9.544,280
4.1	Tiêu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		43.381	43.381	-	-	-	7.419,290	7.419,290	-	-	-	-	-	-	-	-	35.962	35.961,71	-	-	-
-	Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo		24.145	24.145	-	-	-	4.376,290	4.376,290	-	-	-	-	-	-	-	-	19.769	19.768,71	-	-	-
		Trường Cao đẳng kỹ thuật nghề	3.876	3.876	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.876	3.876	-	-	-
		Trường Cao đẳng y tế	2.400	2.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.400	2.400	-	-	-
		Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	2.800	2.800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.800	2.800	-	-	-

Mưu

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND thành phố Đông Hà	1.534	1.534	-	-	-	-									1.534	1.534	-	-	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	1.295	1.295	-	-	-	-									1.295	1.295	-	-	-	
		UBND huyện Triệu Phong	1.641	1.641	-	-	-	-									1.641	1.641	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	1.641	1.641	-	-	-	-									1.641	1.641	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	1.295	1.295	-	-	-	-									1.295	1.295	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	2.245	2.245	-	-	-	-									2.245	2.245	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	2.375	2.375	-	-	-	2.375	2.375								-	-	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	1.597	1.597	-	-	-	1.109,29	1.109,29								488	487,71	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.446	1.446	-	-	-	892	892								554	554	-	-	-	
		Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	19.236	19.236	-	-	-	3.043	3.043	-	-	-	-	-	-	-	16.193	16.193	-	-	-	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.290	1.290	-	-	-	-									1.290	1.290	-	-	-	
		Trường Cao đẳng kỹ thuật nghề	470	470	-	-	-	-									470	470	-	-	-	
		UBND thành phố Đông Hà	1.748	1.748	-	-	-	-									1.748	1.748	-	-	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	1.442	1.442	-	-	-	-									1.442	1.442	-	-	-	
		UBND huyện Triệu Phong	1.999	1.999	-	-	-	-									1.999	1.999	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	2.011	2.011	-	-	-	-									2.011	2.011	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	1.472	1.472	-	-	-	-									1.472	1.472	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	2.506	2.506	-	-	-	-									2.506	2.506	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	2.564	2.564	-	-	-	-									2.564	2.564	-	-	-	

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh							
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế			
		UBND huyện Gio Linh	1.898	1.898	-	-	-	1.898	1.898						-						-	-	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.836	1.836	-	-	-	1.145	1.145						-						691	691	-	-	-
4.2	TDA2. Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		1.502	-	-	-	1.502	405	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.097	-	-	-	-	1.097
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	375	-	-	-	375	375							-						-	-	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	1.097	-	-	-	1.097	-							-						1.097	-	-	-	1.097
		UBND huyện Gio Linh	6	-	-	-	6	6							-						-	-	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	24	-	-	-	24	24							-						-	-	-	-	-
4.3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững		8.497	-	-	-	8.497	424,72	-	-	-	-	-	-	375	-	-	-	-	375	8.447,28	-	-	-	8.447,28
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.693	-	-	-	1.693	-							375					375	2.068	-	-	-	2.068
		UBND thành phố Đông Hà	815	-	-	-	815	-							-					815	-	-	-	-	815
		UBND thị xã Quảng Trị	358	-	-	-	358	-							-					358	-	-	-	-	358
		UBND huyện Triệu Phong	858	-	-	-	858	-							-					858	-	-	-	-	858
		UBND huyện Hải Lăng	652	-	-	-	652	-							-					652	-	-	-	-	652
		UBND huyện Cam Lộ	440	-	-	-	440	-							-					440	-	-	-	-	440
		UBND huyện Đakrông	823	-	-	-	823	-							-					823	-	-	-	-	823
		UBND huyện Hướng Hóa	1.373	-	-	-	1.373	-							-					1.373	-	-	-	-	1.373
		UBND huyện Gio Linh	756	-	-	-	756	424,72							-					331	-	-	-	-	331,28
		UBND huyện Vĩnh Linh	729	-	-	-	729	-							-					729	-	-	-	-	729

mu

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh							
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế			
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn hộ nghèo (Mã số CTMT: 0475)		36.100	-	-	-	36.100	-	-	-	-	-	-	-	-	36.100	-	-	-	-	36.100	-	-	-	36.100
		UBND huyện Đakrông	36.100	-	-	-	36.100	-	-	-	-	-	-	-	-	36.100	-	-	-	-	36.100	-	-	-	36.100
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã số CTMT: 0476)		16.387	-	-	16.387	-	29	-	-	29	-	34,605	-	-	34,605	-	16.393	-	-	16.392,605	-	-	-	-
6.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin		13.771	-	-	13.771	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.771	-	-	13.771	-	-	-	-
		Sở Thông tin và Truyền thông	12.310	-	-	12.310	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.310	-	-	12.310	-	-	-	-
		UBND thành phố Đông Hà	76	-	-	76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	76	-	-	76	-	-	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	39	-	-	39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	39	-	-	39	-	-	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	159	-	-	159	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	159	-	-	159	-	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	168	-	-	168	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	168	-	-	168	-	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	56	-	-	56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	56	-	-	56	-	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	346	-	-	346	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	346	-	-	346	-	-	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	297	-	-	297	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	297	-	-	297	-	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	164	-	-	164	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	164	-	-	164	-	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	135	-	-	135	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	135	-	-	135	-	-	-	-
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	21	-	-	21	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21	-	-	21	-	-	-	-
6.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		2.616	-	-	2.616	-	29	-	-	29	-	34,605	-	-	34,605	-	2.622	-	-	2.621,605	-	-	-	-
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	511	-	-	511	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	511	-	-	511	-	-	-	-
		Sở Tư pháp	100	-	-	100	-	-	-	-	-	-	34,605	-	-	34,605	-	135	-	-	134,605	-	-	-	-
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	100	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	100	-	-	-	-
		Hội Cựu chiến binh	100	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	100	-	-	-	-

mmcl

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		Tỉnh đoàn thanh niên	100	-	-	100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	100	-		
		UBND thành phố Đông Hà	88	-	-	88	-	-	-	-	-	-	-	-	88	-	-	88	-			
		UBND thị xã Quảng Trị	42	-	-	42	-	-	-	-	-	-	-	-	42	-	-	42	-			
		UBND huyện Triệu Phong	185	-	-	185	-	-	-	-	-	-	-	-	185	-	-	185	-			
		UBND huyện Hải Lăng	198	-	-	198	-	-	-	-	-	-	-	-	198	-	-	198	-			
		UBND huyện Cam Lộ	66	-	-	66	-	-	-	-	-	-	-	-	66	-	-	66	-			
		UBND huyện Đakrông	403	-	-	403	-	-	-	-	-	-	-	-	403	-	-	403	-			
		UBND huyện Hướng Hóa	345	-	-	345	-	-	-	-	-	-	-	-	345	-	-	345	-			
		UBND huyện Gio Linh	192	-	-	192	-	-	-	-	-	-	-	-	192	-	-	192	-			
		UBND huyện Vĩnh Linh	157	-	-	157	-	-	-	-	-	-	-	-	157	-	-	157	-			
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	29	-	-	29	-	29	-	29	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã số CTMT: 0477)		12.078	12.078	-	-	-	84,605	84,605	-	-	-	-	-	-	11.993	11.993,395	-	-	-		
7.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		7.478	7.478	-	-	-	64,605	64,605	-	-	-	-	-	-	7.413	7.413,395	-	-	-		
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	896	896	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	896	896	-	-	-			
		Sở Thông tin và truyền thông	45	45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	45	45	-	-	-			
		Chi cục Phát triển nông thôn	350	350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	350	350	-	-	-			
		Sở Y tế	325	325	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	325	325	-	-	-			
		Sở Tư pháp	350	350	-	-	-	34,605	34,605	-	-	-	-	-	315	315,395	-	-	-			
		Sở Xây dựng	60	60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60	60	-	-	-			
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	180	180	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	180	180	-	-	-			

ML

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		Hội Nông dân	170	170	-	-	-	-									170	170	-	-	-	
		Hội Cựu chiến binh	110	110	-	-	-	-									110	110	-	-	-	
		Tỉnh đoàn thanh niên	140	140	-	-	-	-									140	140	-	-	-	
		UBND thành phố Đông Hà	250	250	-	-	-	-									250	250	-	-	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	117	117	-	-	-	-									117	117	-	-	-	
		UBND huyện Triệu Phong	527	527	-	-	-	-									527	527	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	564	564	-	-	-	-									564	564	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	188	188	-	-	-	-									188	188	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	1.144	1.144	-	-	-	-									1.144	1.144	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	984	984	-	-	-	-									984	984	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	545	545	-	-	-	-									545	545	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	448	448	-	-	-	-									448	448	-	-	-	
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	85	85	-	-	-	30	30								55	55	-	-	-	
7.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá		4.600	4.600	-	-	-	20	20	-	-	-	-	-	-	-	4.580	4.580,000	-	-	-	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.548	1.548	-	-	-	-									1.548	1.548	-	-	-	
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	220	220	-	-	-	-									220	220	-	-	-	
		Sở Y tế	140	140	-	-	-	-									140	140	-	-	-	
		Sở Tài chính	100	100	-	-	-	-									100	100	-	-	-	
		Chi cục Phát triển nông thôn	175	175	-	-	-	-									175	175	-	-	-	
		Sở Xây dựng	70	70	-	-	-	-									70	70	-	-	-	
		Sở Thông tin và truyền thông	100	100	-	-	-	-									100	100	-	-	-	

meu

STT	Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ giai đoạn 2021-2023					Dự toán điều chỉnh giảm					Dự toán điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		Sở Tư pháp	30	30	-	-	-	-									30	30	-	-	-	
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	80	80	-	-	-	-									80	80	-	-	-	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	110	110	-	-	-	-									110	110	-	-	-	
		Hội Nông dân	80	80	-	-	-	-									80	80	-	-	-	
		Hội Cựu chiến binh	70	70	-	-	-	-									70	70	-	-	-	
		Tinh đoàn thanh niên	70	70	-	-	-	-									70	70	-	-	-	
		UBND thành phố Đông Hà	93	93	-	-	-	-									93	93	-	-	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	44	44	-	-	-	-									44	44	-	-	-	
		UBND huyện Triệu Phong	197	197	-	-	-	-									197	197	-	-	-	
		UBND huyện Hải Lăng	210	210	-	-	-	-									210	210	-	-	-	
		UBND huyện Cam Lộ	70	70	-	-	-	-									70	70	-	-	-	
		UBND huyện Đakrông	426	426	-	-	-	-									426	426	-	-	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	366	366	-	-	-	-									366	366	-	-	-	
		UBND huyện Gio Linh	203	203	-	-	-	-									203	203	-	-	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	166	166	-	-	-	-									166	166	-	-	-	
		UBND huyện đảo Côn Cò	32	32	-	-	-	20	20								12	12	-	-	-	

11/2/2021



DỰ TOÁN PHÂN BỐ SAU ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

DVT: Triệu đồng

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
1	2	3	4	5	6	7	8	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG CỘNG		146.655	39.501	5.915	5.168	96.071	3.164	1.100	628	13	1.423	3.164	-	-	-	3.164	146.655	38.401	5.287	5.155	97.812
1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (Mã số CTMT: 0471)		7.817	-	-	-	7.817	-	-	-	-	-	576	-	-	-	576	8.393	-	-	-	8.393
1.1	TDA 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo		7.817	-	-	-	7.817	-	-	-	-	-	576	-	-	-	576	8.393	-	-	-	8.393
-	Hoạt động 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo		6.017	-	-	-	6.017	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.017	-	-	-	6.017
		UBND huyện Đakrông	6.017				6.017	-					-				-	6.017	-	-	-	6.017
-	Hoạt động 2. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.		1.800	-	-	-	1.800	-	-	-	-	-	576	-	-	-	576	2.376	-	-	-	2.376
		UBND huyện Hải Lăng	600				600	-					-				-	600	-	-	-	600
		UBND huyện Gio Linh	300				300	-					-				-	300	-	-	-	300
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	900				900	-					576				576	1.476	-	-	-	1.476
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Mã số CTMT: 0472)		38.637	-	-	-	38.637	-	-	-	-	-	2.301	-	-	-	2.301	40.938	-	-	-	40.938
		UBND thành phố Đông Hà	1.611				1.611	-					-				-	1.611	-	-	-	1.611
		UBND thị xã Quảng Trị	754				754	-					-				-	754	-	-	-	754
		UBND huyện Triệu Phong	3.391				3.391	-					-				-	3.391	-	-	-	3.391
		UBND huyện Hải Lăng	4.550				4.550	-					24				24	4.574	-	-	-	4.574

Handwritten signature/initials

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện Cam Lộ	1.206				1.206	-										1.206	-	-	-	1.206
		UBND huyện Đakrông	12.889				12.889	-										12.889	-	-	-	12.889
		UBND huyện Hướng Hóa	6.330				6.330	-										6.330	-	-	-	6.330
		UBND huyện Gio Linh	3.971				3.971	-				2.277				2.277		6.248	-	-	-	6.248
		UBND huyện Vĩnh Linh	2.883				2.883	-										2.883	-	-	-	2.883
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	1.052				1.052	-										1.052	-	-	-	1.052
3	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Mã số CTMT: 0473)		21.887	-	5.915	-	15.972	1.063	-	628	-	435	-	-	-	-	-	20.824	-	5.287	-	15.537
3.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp		15.972	-	-	-	15.972	435	-	-	-	435	-	-	-	-	-	15.537	-	-	-	15.537
		UBND thành phố Đông Hà	666				666	-										666	-	-	-	666
		UBND thị xã Quảng Trị	312				312	-										312	-	-	-	312
		UBND huyện Triệu Phong	1.402				1.402	-										1.402	-	-	-	1.402
		UBND huyện Hải Lăng	1.881				1.881	-										1.881	-	-	-	1.881
		UBND huyện Cam Lộ	498				498	-										498	-	-	-	498
		UBND huyện Đakrông	5.328				5.328	-										5.328	-	-	-	5.328
		UBND huyện Hướng Hóa	2.617				2.617	-										2.617	-	-	-	2.617
		UBND huyện Gio Linh	1.641				1.641	-										1.641	-	-	-	1.641
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.192				1.192	-										1.192	-	-	-	1.192
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	435				435	435				435	-					-	-	-	-	-
3.2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng		5.915	-	5.915	-	-	628	-	628	-	-	-	-	-	-	-	5.287	-	5.287	-	-

muu

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND thành phố Đông Hà	229		229			-										229	-	229	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	127		127			-										127	-	127	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	550		550			-										550	-	550	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	657		657			-										657	-	657	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	204		204			-										204	-	204	-	-
		UBND huyện Đakrông	2.125		2.125			-										2.125	-	2.125	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	856		856			-										856	-	856	-	-
		UBND huyện Gio Linh	558		558			558		558								-	-	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	459		459			-										459	-	459	-	-
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	150		150			70		70								80	-	80	-	-
4	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Mã số CTMT: 0474)		38.975	30.330	-	-	8.645	2.030	1.042	-	-	988	287	-	-	-	287	37.232	29.288	-	-	7.944
4.1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		30.330	30.330	-	-	-	1.042	1.042	-	-	-	-	-	-	-	-	29.288	29.288	-	-	-
-	Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo		17.948	17.948	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.948	17.948	-	-	-
		Trường Cao đẳng kỹ thuật nghề	10.618	10.618				-										10.618	10.618	-	-	-
		Trường Cao đẳng y tế	4.830	4.830				-										4.830	4.830	-	-	-
		Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải	2.500	2.500				-										2.500	2.500	-	-	-
-	Hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp		12.382	12.382	-	-	-	1.042	1.042	-	-	-	-	-	-	-	-	11.340	11.340	-	-	-
		Trường Cao đẳng kỹ thuật nghề	250	250				-										250	250	-	-	-

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND thành phố Đông Hà	1.214	1.214				-										1.214	1.214	-	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	1.001	1.001				-										1.001	1.001	-	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	1.387	1.387				-										1.387	1.387	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	1.396	1.396				-										1.396	1.396	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	1.021	1.021				-										1.021	1.021	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	1.740	1.740				-										1.740	1.740	-	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	1.780	1.780				-										1.780	1.780	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	1.317	1.317				1.042	1.042									275	275	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	1.276	1.276				-										1.276	1.276	-	-	-
4.2	TDA2. Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		1.148	-	-	-	1.148	317	-	-	-	317	-	-	-	-	-	831	-	-	-	831
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	287				287	287				287	-					-	-	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	831				831	-				-						831	-	-	-	831
		UBND huyện Gio Linh	6				6	6				6	-					-	-	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	24				24	24				24	-					-	-	-	-	-
4.3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững		7.497	-	-	-	7.497	671	-	-	-	671	287	-	-	-	287	7.113	-	-	-	7.113
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.450				1.450	-				287					287	1.737	-	-	-	1.737

mal

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND thành phố Đông Hà	725				725	-										725	-	-	-	725
		UBND thị xã Quảng Trị	317				317	-										317	-	-	-	317
		UBND huyện Triệu Phong	763				763	-										763	-	-	-	763
		UBND huyện Hải Lăng	580				580	-										580	-	-	-	580
		UBND huyện Cam Lộ	391				391	-										391	-	-	-	391
		UBND huyện Đakrông	732				732	-										732	-	-	-	732
		UBND huyện Hướng Hóa	1.220				1.220	-										1.220	-	-	-	1.220
		UBND huyện Gio Linh	671				671	671						671	-			-	-	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	648				648	-										648	-	-	-	648
5	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn hộ nghèo (Mã số CTMT: 0475)		25.000	-	-	-	25.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25.000	-	-	-	25.000	
		UBND huyện Đakrông	25.000				25.000	-										25.000	-	-	-	25.000
6	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Mã số CTMT: 0476)		5.168	-	-	5.168	-	13	-	-	13	-	-	-	-	-	5.155	-	-	5.155	-	
6.1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin		3.268	-	-	3.268	-	7	-	-	7	-	-	-	-	-	3.261	-	-	3.261	-	
		Sở Thông tin và Truyền thông	2.740	-	-	2.740	-	-									2.740	-	-	2.740	-	
		UBND thành phố Đông Hà	27			27	-										27	-	-	27	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	13			13	-										13	-	-	13	-	
		UBND huyện Triệu Phong	57			57	-										57	-	-	57	-	
		UBND huyện Hải Lăng	61			61	-										61	-	-	61	-	
		UBND huyện Cam Lộ	20			20	-										20	-	-	20	-	
		UBND huyện Đakrông	126			126	-										126	-	-	126	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	107			107	-										107	-	-	107	-	
		UBND huyện Gio Linh	59			59	-										59	-	-	59	-	

man

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		UBND huyện Vĩnh Linh	49			49	-					-					49	-	-	49	-	
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	9			9	7			7		-					2	-	-	2	-	
6.2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều		1.900	-	-	1.900	-	6	-	-	6	-	-	-	-	-	1.894	-	-	1.894	-	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	300			300	-					-					300	-	-	300	-	
		Sở Tư pháp	52			52	-					-					52	-	-	52	-	
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	60			60	-					-					60	-	-	60	-	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	58			58	-					-					58	-	-	58	-	
		Hội Cựu chiến binh	50			50	-					-					50	-	-	50	-	
		Tình đoàn thanh niên	100			100	-					-					100	-	-	100	-	
		UBND thành phố Đông Hà	66			66	-					-					66	-	-	66	-	
		UBND thị xã Quảng Trị	31			31	-					-					31	-	-	31	-	
		UBND huyện Triệu Phong	139			139	-					-					139	-	-	139	-	
		UBND huyện Hải Lăng	149			149	-					-					149	-	-	149	-	
		UBND huyện Cam Lộ	49			49	-					-					49	-	-	49	-	
		UBND huyện Đakrông	302			302	-					-					302	-	-	302	-	
		UBND huyện Hướng Hóa	260			260	-					-					260	-	-	260	-	
		UBND huyện Gio Linh	144			144	-					-					144	-	-	144	-	
		UBND huyện Vĩnh Linh	118			118	-					-					118	-	-	118	-	
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	22			22	6			6		-					16	-	-	16	-	
7	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (Mã số CTMT: 0477)		9.171	9.171	-	-	-	58	58	-	-	-	-	-	-	-	9.113	9.113	-	-	-	
7.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình		4.850	4.850	-	-	-	28	28	-	-	-	-	-	-	-	4.822	4.822	-	-	-	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	600	600			-					-					600	600	-	-	-	

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		Chi cục Phát triển nông thôn	100	100				-										100	100	-	-	-
		Sở Y tế	234	234				-										234	234	-	-	-
		Sở Tư pháp	232	232				-										232	232	-	-	-
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	344	344				-										344	344	-	-	-
		Hội Nông dân	114	114				-										114	114	-	-	-
		Hội Cựu chiến binh	80	80				-										80	80	-	-	-
		Tinh đoàn thanh niên	70	70				-										70	70	-	-	-
		UBND thành phố Đông Hà	159	159				-										159	159	-	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	74	74				-										74	74	-	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	334	334				-										334	334	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	358	358				-										358	358	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	119	119				-										119	119	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	725	725				-										725	725	-	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	624	624				-										624	624	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	346	346				-										346	346	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	284	284				-										284	284	-	-	-
		UBND huyện đảo Côn Cỏ	53	53				28	28									25	25	-	-	-
7.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá		4.321	4.321	-	-	-	30	30	-	-	-	-	-	-	-	4.291	4.291	-	-	-	
		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.272	1.272				-										1.272	1.272	-	-	-
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	150	150				-										150	150	-	-	-
		Sở Y tế	125	125				-										125	125	-	-	-
		Chi cục Phát triển nông thôn	100	100				-										100	100	-	-	-
		Sở Xây dựng	40	40				-										40	40	-	-	-
		Sở Thông tin và truyền thông	50	50				-										50	50	-	-	-

muu

STT	Chương trình, Dự án	Đơn vị, địa phương	Dự toán đã phân bổ năm 2024					Điều chỉnh giảm					Điều chỉnh tăng					Dự toán phân bổ sau điều chỉnh				
			Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	Cộng	Sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế
		Ủy ban MTTQVN tỉnh	90	90				-										90	90	-	-	-
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	70	70				-										70	70	-	-	-
		Hội Nông dân	50	50				-										50	50	-	-	-
		Hội Cựu chiến binh	68	68				-										68	68	-	-	-
		Tinh đoàn thanh niên	35	35				-										35	35	-	-	-
		UBND thành phố Đông Hà	117	117				-										117	117	-	-	-
		UBND thị xã Quảng Trị	55	55				-										55	55	-	-	-
		UBND huyện Triệu Phong	247	247				-										247	247	-	-	-
		UBND huyện Hải Lăng	264	264				-										264	264	-	-	-
		UBND huyện Cam Lộ	88	88				-										88	88	-	-	-
		UBND huyện Đakrông	534	534				-										534	534	-	-	-
		UBND huyện Hướng Hóa	461	461				-										461	461	-	-	-
		UBND huyện Gio Linh	255	255				-										255	255	-	-	-
		UBND huyện Vĩnh Linh	210	210				-										210	210	-	-	-
		UBND huyện đảo Cồn Cỏ	40	40				30	30									10	10	-	-	-

mal